TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 16-02-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh

Ông Lê Quang Chính

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*:** Ông Từ Sĩ Trần Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 02/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Vận tải G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1969; Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C, sinh năm 1958 (Theo giấy ủy quyền ngày 25/10/2021) và bà Nguyễn Ngọc Diễm T, sinh năm 1982 (Theo giấy ủy quyền ngày 23/12/2021) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số x đường L, thôn P1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

- *Bị đơn*: Cửa hàng vật liệu xây dựng G1

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thị Trung H, sinh năm 1987 – Là chủ cửa hàng (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qúa trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – vận tải G (viết tắt: Công ty G) trình bày:

Vào năm 2020 đến năm 2021 thì Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 do bà Hồ Thị Trung H là chủ cửa hàng có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty G cụ thể là mua xi măng của công ty G với 563 tấn xi măng, theo các hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT, ngày 01-01-2020 và 54/HĐNT, ngày 02-01-2021, số tiền 845.063.000 đồng.

Qúa trình mua bán hàng hóa thì Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 đã trả cho Công ty G được 750.868.000 đồng, hiện Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 còn nợ Công ty G số tiền 94.195.000 đồng. Công ty G đã nhiều lần liên hệ và Hồ Thị Trung H là chủ cửa hàng để nhắc việc trả nợ, nhưng bà H chỉ hứa hẹn không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty G.

Tính đến thời điểm hôm nay Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 còn nợ công ty G số tiền tổng cộng (Tạm tính đến ngày 23-12-2021) là 111.630.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 94.195.000 đồng, tiền lãi là 17.435.000 đồng, áp dụng mức lãi suất 1%/ngày). Nhưng tại phiên tòa hôm nay Công ty G áp dụng mức lãi suất 0,05%/ngày, tức 1,5%/tháng (Trong đó số tiền gốc 94.195.000 đồng, tiền lãi 17.329.993 đồng, tạm tính đến ngày xét xử 16-02-2022), Tổng cộng số tiền 111.524.993 đồng.

Nay Công ty G yêu cầu Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 phải trả cho Công ty G tổng số tiền (Tạm tính đến ngày 16-02-2022) là 111.524.993 đồng (Trong đó tiền gốc là 94.195.000 đồng, tiền lãi là 17.329.993 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 16-02-2022 cho đến khi trả hết nợ.

Qúa trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của bị đơn Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 bà Hồ Thị Trung H trình bày:

Vào năm 2020 đến năm 2021 thì Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 do bà là chủ cửa hàng có ký các hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty G cụ thể là mua xi măng với tổng cộng 563 tấn xi măng, theo các hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT, ngày 01-01-2020 và 54/HĐNT, ngày 02-01-2021 với số tiền 845.063.000 đồng.

Qúa trình mua bán hàng hóa thì Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 đã trả cho Công ty G được 750.868.000 đồng, hiện Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 còn nợ Công ty G số tiền gốc 94.195.000 đồng. Công ty G đã nhiều lần liên hệ với Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 để nhắc việc trả nợ, nhưng do tình hình dịch bệnh và có nhiều người lừa gạt hàng hóa của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 nên Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 không thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty G.

Tính đến thời điểm hôm nay Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 còn nợ số tiền tổng cộng (Tạm tính đến ngày 23-12-2021) là 111.630.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 94.195.000 đồng, tiền lãi là 17.435.000 đồng, áp dụng mức lãi suất 1%/ngày). Tại phiên tòa hôm nay Công ty G áp dụng mức lãi suất 0,05%/ngày, tức 1,5%/tháng (Trong đó số tiền gốc 94.195.000đ, tiền lãi 17.329.993 đồng,

tạm tính đến ngày xét xử 16-02-2021) thì Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 đồng ý, không có ý kiến gì.

Nay Công ty G yêu cầu Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 do tôi làm chủ trả số tiền tổng cộng 111.524.993 đồng (Tạm tính đến ngày 16-02-2022, trong đó 94.195.000 đồng và tiền lãi 17.329.993 đồng), Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 đồng ý trả số tiền gốc là 94.195.000 đồng, còn số tiền lãi là 17.329.993 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 16-02-2022 cho đến khi trả hết nợ, thì Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 yêu cầu Công ty G bỏ số tiền lãi trên cho Cửa hàng vật liệu xây dựng G1, vì do tình hình dịch bệnh và do nhiều người lừa gạt hàng hóa của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1, nên Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 mới không có khả năng trả tiền hàng cho Công ty G kéo dài cho đến nay.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong hợp đồng các bên có thỏa thuận điều khoản chọn Tòa án nhân dân huyện N giải quyết tranh chấp là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án thụ lý xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ tiền hàng xuất phát từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng nên Tòa án xác định quan hệ "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" là có căn cứ.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình qua xem xét công khai tại phiên tòa là có cơ sở, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả khoản nợ tiền hàng còn thiếu là 94.195.000 đồng, tiền lãi 17.329.993 đồng, tạm tính đến ngày 16-02-2022 và tiếp tục chịu lãi suất sau ngày xét xử ngày 16-02-2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tại mục 7.2 Điều 7 của các Hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT, ngày 01-01-2020 và 54/HĐNT, ngày 02-01-2021 giữa công ty G với Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 có thỏa thuận điều khoản giải quyết tranh chấp: *"...Trong trường hợp không tự giải quyết được thì hai bên thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện N thuộc tỉnh Ninh Thuận để xử lý khi tranh chấp"*. Thỏa thuận này phù hợp với việc các đương sự có quyền lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn để giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì

vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn là đúng pháp luật. Mặt khác, bị đơn cũng có nơi cư trú tại thôn La Chữ, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nên nguyên đơn có quyền khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty G khởi kiện yêu cầu Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 thanh toán nợ tiền hàng và lãi chậm trả phát sinh từ hợp đồng nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại 2005; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào các năm 2020 và năm 2021, các bên có ký với nhau các hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT, ngày 01-01-2020 và 54/HĐNT, ngày 02-01-2021; các biên bản xác nhận công nợ từng tháng; các chứng từ, hóa đơn mua bán vật tư Công ty G cung cấp có nguồn gốc, nội dung, thời gian thể hiện về việc giao nhận hàng, hóa đơn của bên bán cho bên mua, đều được phía đại điện hợp pháp của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 ký xác nhận hoặc thừa nhận. Những tài liệu văn bản này bảo đảm phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 91, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử làm căn cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3]. Xét các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện: Vào các ngày 01-01-2020, 02-01-2021, giữa Công ty G (Bên bán) do ông Nguyễn Khắc T là người đại diện theo pháp luật và Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 (Bên mua) do bà Hồ Thị Trung H là người đại diện theo pháp luật ký kết các hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT và 54/HĐNT về việc mua bán vật tư xây dựng (xi măng). Các hợp đồng này được ký kết bởi người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và bị đơn; nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật; Công ty G và Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 có đầy đủ điều kiện kinh doanh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận theo nội dung hợp đồng đã ký kết, do đó, các hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT, ngày 01-01-2020 và 54/HĐNT, ngày 02-01-2021 có hiệu lực đối với hai bên.

[4]. Sau khi ký kết và thực hiện các hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT, ngày 01-01-2020 và 54/HĐNT, ngày 02-01-2021, hai bên mua bán vật tư thành nhiều đợt theo nhu cầu của bên mua. Qúa trình mua bán hàng thì số tiền mua hàng Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 chưa thanh toán cho Công ty G tính đến tháng 10 năm 2021 được người đại diện theo pháp luật của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 là bà Hồ Thị Trung H xác nhận biên bản xác nhận công nợ số tiền tổng cộng là 94.195.000 đồng. Qúa trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 vẫn thừa nhận còn nợ số tiền mua hàng của Công ty G số tiền 94.195.000 đồng chưa trả. Vì vậy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty G buộc Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 phải trả tiền mua hàng còn nợ là 94.195.000 đồng.

[5]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả nhận thấy, tại Điều 4 các hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT, ngày 01-01-2020 và 54/HĐNT, ngày 02-01-

2021, các bên thỏa thuận: Thời hạn thanh toán không quá 07 ngày cho một đợt hàng kể từ ngày giao hàng của Công ty G và nhận hàng của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 theo phương thức luân chuyển nhận trước trả trước, nhận sau trả sau. Hai bên thống nhất trong trường hợp bên mua quá thời hạn mà chưa trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất quá hạn 0,1%/ngày của số tiền chậm thanh toán. Nhưng tại phiên tòa hôm nay Công ty G thay đổi mức lãi suất, áp dụng mức lãi suất quá hạn là 0,05%/ngày, tức là 1,5%/tháng, đối việc thay đổi áp dụng mức lãi suất của Công ty G thì người đại diện theo pháp luật của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 đồng ý với mức áp dụng mức lãi suất trên, không có ý kiến gì, nhưng người đại diên theo pháp luật của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 yêu cầu Công ty G bỏ số tiền lãi trên cho Cửa hàng vật liệu xây dựng G1, vì do tình hình dịch bệnh và do nhiều người lừa gạt hàng hóa của Cửa hàng vật liệu xây dựng G1, nên Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 mới không có khả năng trả tiền hàng cho Công ty G kéo dài cho đến nay. Công ty G không đồng ý. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 vẫn chưa thanh toán đủ số tiền hàng cho Công ty G, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu lãi suất chậm trả theo thỏa thuận. Trước khi nộp đơn khởi kiện, Công ty G có văn bản đề nghị Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 phải trả nợ tiền mua hàng và khoản tiền lãi do chậm thanh toán (đến 30/10/2021). Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 nhận được thông báo nhưng không có ý kiến phản hồi về khoản nợ. Quá thời hạn thông báo, Công ty G nộp đơn khởi kiện. Do đó Công ty G yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ tiền mua hàng theo lãi suất quá hạn 0,05%/ngày, tức 1,5%/tháng mà các bên đã thỏa thuận tại phiên tòa, kể từ ngày 31/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/02/2022 (tương ứng với từng thời điểm) là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Như vậy, Công ty G yêu cầu Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 phải trả khoản nợ tiền hàng 94.195.000 đồng và lãi chậm thanh toán trên khoản nợ gốc là 17.329.993 đồng, tổng cộng 111.524.993 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của Công ty G được chấp nhận nên không phải chịu án phí; Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 phải chịu 5.576.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, khoản 1 Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; các điều 357, 468, 688 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – vận tải G.

1. Buộc Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – vận tải G nợ gốc tiền mua hàng còn thiếu là 94.195.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính tới ngày xét xử sơ thẩm (16/02/2022) là 17.329.993 đồng. Tổng cộng là 111.524.993 đồng *(Một trăm mười một triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi ba đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – vận tải G số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000384, ngày 01-12-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Buộc Cửa hàng vật liệu xây dựng G1 phải chịu 5.576.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diên theo pháp luật của bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 16-02-2022)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình